

Bản án số:166/2023/HS-PT

Ngày: 17/03/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tất Nam;

Bà Nguyễn Ngọc Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Minh Thành, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1164/2022/TLPT-HS ngày 25 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Phí Thị Phương M do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 431/2022/HSST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**\* Bị cáo bị kháng cáo:**

**Phí Thị Phương M**, sinh năm 1972; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phí Hữu T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y; có chồng là Nguyễn Mạnh T và 02 con (con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1993); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt truy nã, tạm giam từ ngày 10/01/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội. Có mặt.

**\* Người bào chữa do Tòa án chỉ định cho bị cáo:** Luật sư Đinh Thị Kim Thoa – Công ty Luật TNHH 1TV Bảo Thiên thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

**\* Bị hại có kháng cáo:** Ông Phùng T, sinh năm 1952; nơi cư trú: quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phí Thị Phương M (sinh năm 1972; HKTT: quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội) mở quán “Cà phê N” tại quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội (gần cổng trường Học viện Cảnh sát nhân dân). Từ năm 2016 đến 2017, mặc dù không có khả năng giúp người khác trúng tuyển Học viện Cảnh sát nhân dân, xin vào biên chế trong ngành Công an, xin việc làm trong Bệnh viện Quân y 103, nhưng để có tiền chi tiêu cá nhân, M đã đưa ra thông tin gian dối, tự giới thiệu bản thân có quen biết lãnh đạo ngành Công an, có thể xin cho người khác trúng tuyển trường Học viện Cảnh sát nhân dân, đổi biên chế và công tác trong ngành Công an, Quân đội. Do tin tưởng nên năm 2016 và 2017, có 06 người đã đưa tiền, hồ sơ xin việc cho M. Tuy nhiên M không nộp hồ sơ, không xin việc như đã hứa mà chiếm đoạt của 06 bị hại với tổng số tiền 4.240.000.000 đồng rồi bỏ trốn. Cụ thể như sau:

### **1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của ông Vàng Văn Y (sinh năm 1973; trú tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu) số tiền 370.000.000 đồng.**

Năm 2013, anh Vàng Văn B (sinh năm 1993 - là con ông Vàng Văn Y) đi nghĩa vụ tại Công an huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, đến tháng 9/2016 thì anh B thực hiện xong nghĩa vụ trở về địa phương. Thời gian đi nghĩa vụ, anh B quen biết anh Trần Văn M (sinh năm 1992; trú tại thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai) là cán bộ Công an huyện Tam Đường. Khoảng năm 2016, anh M đến học tại trường Học viện Cảnh sát nhân dân. Thời gian học tại trường, anh M quen biết Phí Thị Phương M. Tháng 10/2016, M nói với anh M là M có thể xin cho chiến sỹ đi nghĩa vụ trong lực lượng Công an nhân dân đã xuất ngũ được biên chế trong ngành Công an và được đi học với chi phí là 420.000.000 đồng, cần đặt cọc trước số tiền 40.000.000 đồng để làm hồ sơ. Anh M nói lại thông tin trên cho anh B và ông Y thì ông Y đồng ý nhờ M xin cho anh B được vào biên chế ngành Công an. Cũng trong tháng 10/2016 ông Y đưa trước cho anh M số tiền 40.000.000 đồng nhờ M đưa cho M để đặt cọc làm hồ sơ, sau đó anh M đưa cho M số tiền trên nhưng không viết giấy biên nhận. Ngày 25/10/2016, anh M đưa ông Y, anh B đến quán cà phê gặp M. Tại đây, ông Y đưa cho M 240.000.000 đồng. M nhận tiền và viết Giấy vay tiền, nội dung ghi: “*Phí Thị Phương M vay ông Vàng Văn Y 240 triệu đồng, số tiền 140 triệu đồng còn lại ông Y sẽ đưa cho M trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày 25/10/2016*”. Đến tháng 11/2016, theo yêu cầu của Mai, ông Y đưa cho anh M số tiền 120.000.000 đồng để nhờ anh M đưa cho Mai, ngay sau đó anh M đưa cho M số tiền trên nhưng không viết giấy biên nhận. Tháng 5/2017, M điện thoại cho ông Y thông báo không xin được cho

anh B đi học mà chỉ xin cho anh B vào biên chế Công an tỉnh Lào Cai và M đã trả lại ông Y số tiền 120.000.000 đồng. Ngày 29/5/2017, ông Y và anh B đến quán cà phê gặp M. Tại đây M viết giấy biên nhận, nội dung: “*Phí Thị Phương M nhận 280 triệu đồng để xử lý công việc của cháu Vàng Văn B*” ông Y đưa lại cho M “Giấy vay tiền” viết ngày 25/10/2016 đồng thời M cam kết trong tháng 6/2017 sẽ lo được cho anh B vào biên chế Công an tỉnh Lào Cai. Tiếp sau đó, theo yêu cầu của Mai, ngày 13/7/2017 và 17/7/2017, ông Y chuyển khoản cho M 02 lần tổng số tiền là 90.000.000 đồng vào tài khoản số 3100205262042 mở tại ngân hàng Agribank mang tên Phí Thị Phương M. Sau khi nhận tiền của ông Y nhưng M không xin cho anh B vào biên chế Công an tỉnh Lào Cai như đã hứa mà bỏ trốn nhằm chiếm đoạt của ông Y tổng số tiền 370.000.000 đồng.

Tài liệu, vật chứng thu giữ: Ông Vàng Văn Y giao nộp Giấy nộp tiền ghi ngày 13/7/2017 và 17/7/2017 do Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn phát hành; 01 giấy vay tiền ghi ngày 25/11/2016; 01 giấy biên nhận ghi ngày 29/5/2017 đều là bản phô tô.

Sao kê tài khoản số 3100205262042 mở tại ngân hàng Agribank mang tên Phí Thị Phương M, xác định thời gian, số tiền ông Vàng Văn Y chuyển khoản cho M như trên.

Xác minh tại Công an tỉnh Lào Cai xác định: Từ tháng 10/2016 đến nay, Phòng Tổ chức Công an tỉnh Lào Cai không tiếp nhận tài liệu liên quan đến tuyển sinh, tuyển dụng người có tên Vàng Văn B.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Vàng Văn Y yêu cầu Phí Thị Phương M phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 370.000.000 đồng.

Đối với anh Trần Văn M sau khi quen biết Phí Thị Phương M và được M giới thiệu có khả năng lo xin vào biên chế ngành công an, anh M tin tưởng đã giới thiệu ông Vàng Văn Y nhờ M xin cho con ông Y vào biên chế Công an tỉnh Lào Cai. Ông Y đưa cho anh M số tiền 160.000.000 đồng, sau đó anh M đưa cho M số tiền trên để đặt cọc xin việc cho con ông Y. Xét thấy anh M không hứa hẹn, không biết M có hành vi gian dối nên anh M có nhận tiền của ông Y nhưng ngay sau đó đã chuyển toàn bộ số tiền đó cho M. Anh Trần Văn M không có hành vi chiếm đoạt nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

**2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của vợ chồng ông Nguyễn Trường T (sinh năm 1974) và bà Lê Thị B (sinh năm 1975) trú tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa số tiền 1.980.000.000 đồng.**

Khoảng tháng 6/2017, vợ chồng ông T và bà B đưa anh Nguyễn Trường L

(sinh năm 1998 - là con ông T) đến trường Học viện Cảnh sát nhân dân để đăng ký xét tuyển. Khi ông T, bà B ngồi ở quán Cà phê N thì gặp và làm quen với Phí Thị Phương M. M biết anh L dự tuyển vào Học viện Cảnh sát nhân dân nên M nói nếu anh L không đủ điểm đỗ Học viện Cảnh sát thì M sẽ lo cho anh L trúng tuyển bằng cách phúc khảo bài thi với chi phí khoảng 500.000.000 đồng. Sau khi có kết quả điểm thi nhưng anh L không đủ điểm đỗ đại học. Ngày 05/8/2017, ông T, bà B đến quán cà phê gặp M thông báo anh L không đỗ Học viện Cảnh sát nhân dân, M hứa sẽ lo phúc khảo lại bài thi của anh L thì ông T, bà B đồng ý. Nhưng do không mang tiền mặt nên M và vợ chồng ông T, bà B thống nhất ông T sẽ chuyển khoản cho M và M viết Giấy biên nhận, nội dung: “*Phí Thị Phương M nhận của cô Lê Thị B số tiền 480.000.000 đồng*”. Ngày 05/9/2017 bà B đã chuyển khoản vào số tài khoản 1506205279605 mở tại ngân hàng Agribank mang tên Phí Thị Phương M số tiền 300.000.000 đồng. Những ngày sau đó, M đưa ra nhiều lý do phát sinh chi phí, đi ngoại giao với cơ quan tuyển dụng, yêu cầu bà B chuyển tiền nhiều hơn số tiền thỏa thuận ban đầu. Theo yêu cầu của Mai, từ ngày 08/9/2017 đến ngày 29/9/2017, bà B tiếp tục chuyển khoản vào số tài khoản 1506205279605 mở tại ngân hàng Agribank mang tên Phí Thị Phương M số tiền 1.680.000.000 đồng. Sau khi nhận của bà B tổng số tiền 1.980.000.000 đồng, M hẹn tháng 10/2017 anh L sẽ có kết quả đỗ Học viện Cảnh sát nhân dân bằng hình thức phúc khảo lại bài thi. Quá hạn cam kết, M không lo cho anh L đỗ Học viện Cảnh sát nhân dân, nhiều lần vợ chồng ông T, bà B yêu cầu trả lại tiền thì M trả lại bà B số tiền 185.000.000 đồng rồi bỏ trốn, hiện còn chiếm đoạt của bà B số tiền 1.795.000.000 đồng.

Tài liệu, vật chứng thu giữ: Ông Nguyễn Trường T giao nộp 01 Giấy biên nhận ghi ngày 05/8/2017 (ký hiệu A4); 07 Chứng từ giao dịch do Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Ba Đình – thành phố Thanh Hóa phát hành.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết trên tài liệu thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 3971/C54-P5 ngày 17/8/2018 của Viện Khoa học hình sự - Tổng Cục Cảnh sát kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Phí Thị Phương M trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ ký, chữ viết của Phí Thị Phương M trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký và viết ra.

Sao kê tài khoản số 1506205279605 mở tại ngân hàng Agribank mang tên Phí Thị Phương M, xác định thời gian, số tiền bà Lê Thị B chuyển khoản cho M như trên.

Xác minh tại Học viện Cảnh sát nhân dân, xác định: Hệ đại học chính quy năm 2017 của Học viện Cảnh sát nhân dân có thí sinh Nguyễn Trường L đã tham gia sơ tuyển thuộc Ban tuyển sinh Công an tỉnh Thanh Hóa. Kết quả xét tuyển năm học 2017

không có thí sinh trên trong danh sách trúng tuyển. Tuyển sinh các năm 2018 đến nay không có thí sinh Nguyễn Trường L trúng tuyển và đang học tập tại Học viện.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị B yêu cầu Phí Thị Phương M phải bồi thường số tiền còn chiếm đoạt là 1.795.000.000 đồng.

**3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Lê Thị Q (sinh năm 1972; trú tại huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa) số tiền 950.000.000 đồng.**

Tháng 6/2017 anh Lê Tuấn A (sinh năm 1998 - là con bà Q) đăng ký xét tuyển vào trường Học viện Cảnh sát nhân dân nhưng kết quả thi không trúng tuyển. Tháng 9/2017, thông qua bà Lê Thị B giới thiệu để bà Q quen biết Phí Thị Phương M. Bà Q liên lạc với M thì M hứa sẽ lo cho anh Tuấn A đỗ Học viện Cảnh sát nhân dân bằng hình thức phúc khảo lại kết quả thi với chi phí khoảng 500.000.000 đồng thì bà Q đồng ý. Tháng 9/2017, bà Q đến quán Cà phê N đưa cho M số tiền 100.000.000 đồng (không viết giấy biên nhận). Những ngày sau đó, M đưa ra nhiều lý do phát sinh chi phí, yêu cầu bà Q chuyển tiền nhiều hơn số tiền thỏa thuận ban đầu. Theo yêu cầu của Mai, từ ngày 06/9/2017 đến ngày 22/12/2017, bà Q nhiều lần chuyển khoản vào tài khoản số 1506205279605 mở tại ngân hàng Agribank mang tên Phí Thị Phương M số tiền 850.000.000 đồng. Sau khi nhận của bà Q tổng số tiền 950.000.000 đồng, M không lo được cho anh Tuấn A trúng tuyển nên ngày 31/3/2018, bà Q đến gặp M yêu cầu trả lại tiền, thì M hứa sẽ trả lại tiền đồng thời M viết 02 giấy biên nhận, trong đó 01 giấy biên nhận nội dung ghi: *“Phí Thị Phương M nhận 180 triệu đồng của bà Lê Thị Q, hẹn trong 5 ngày sẽ trả số tiền trên cho bà Q”* và 01 giấy biên nhận nội dung ghi: *“Phí Thị Phương M nhận 770 triệu đồng của bà Lê Thị Q, hẹn trong 30 ngày sẽ hoàn tất nếu công việc chưa xử lý xong”*. Đến hạn, bà Q yêu cầu trả lại tiền thì M trả bà Q số tiền 150.000.000 đồng rồi bỏ trốn, hiện còn chiếm đoạt của bà Q số tiền 800.000.000 đồng.

Tài liệu, vật chứng thu giữ: Bà Lê Thị Q giao nộp 01 Giấy biên nhận ghi ngày 31/3/2018 (ký hiệu A6), 01 Giấy biên nhận ghi ngày 31/3/2018 (ký hiệu A7); 05 Chứng từ giao dịch do Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Nông Công - Thanh Hóa phát hành.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết trên tài liệu thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 3971/C54-P5 ngày 17/8/2018 của Viện Khoa học hình sự - Tổng Cục Cảnh sát kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Phí Thị Phương M trên mẫu cần giám định ký hiệu A6, A7 so với chữ ký, chữ viết của Phí Thị Phương M trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký và viết ra.

Sao kê tài khoản số 1506205279605 mở tại ngân hàng Agribank mang tên Phí

Thị Phương M, xác định thời gian, số tiền bà Lê Thị Q chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho M như trên.

Xác minh tại Học viện Cảnh sát nhân dân, xác định: Hệ đại học chính quy năm 2017 của Học viện Cảnh sát nhân dân có thí sinh Lê Tuấn A đã tham gia sơ tuyển thuộc Ban tuyển sinh Công an tỉnh Thanh Hóa. Kết quả xét tuyển năm học 2017 không có thí sinh trên trong danh sách trúng tuyển. Tuyển sinh các năm 2018 đến nay không có thí sinh Lê Tuấn A trúng tuyển và đang học tập Học viện.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị Q yêu cầu Phí Thị Phương M phải bồi thường số tiền còn chiếm đoạt là 800.000.000 đồng.

**4. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của ông Phùng T (sinh năm 1952; quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội) số tiền 430.000.000 đồng.**

Bà Đồng Thị T và ông Phùng T (sinh năm 1952) ở cùng thôn và có quen biết nhau. Khoảng tháng 01/2017, qua mối quan hệ xã hội, ông Phùng T quen biết Phí Thị Phương M. Quá trình quen biết, ông T nói với M rằng ông T có cháu là chị Vũ Thị H (sinh năm 1993 - là con gái bà T) đã tốt nghiệp trường Cao đẳng Quân y 1, có nguyện vọng xin vào làm việc tại Bệnh viện Quân y 103, nên M nói có thể xin cho chị H2 vào làm việc tại Bệnh viện Quân y 103 với chi phí khoảng 500.000.000 đồng. Ông T nói lại thông tin trên cho bà T thì bà T đồng ý. Khoảng tháng 01/2017, M đưa cho ông T 01 bộ hồ sơ xin việc để ông T đưa cho chị H2 hoàn thiện hồ sơ. Sau đó theo yêu cầu của Mai, từ ngày 22/01/2017 đến ngày 22/8/2017, bà T đã đưa cho ông T 01 bộ hồ sơ xin việc của chị H2 và số tiền 430.000.000 đồng, ngay sau đó ông T đưa hồ sơ và toàn bộ số tiền trên cho M nhưng không viết biên nhận. M nhận tiền và hẹn đến tháng 12/2017 chị H2 sẽ được đi làm.

Tháng 02/2018, M thông báo cho ông T biết là chị H2 đã có quyết định, nhưng chờ đến tháng 4/2018 chị H2 vẫn chưa được đi làm. Ngày 20/4/2018, ông T gặp M tại quán Cà phê N thì M nói không xin được cho chị H2 vào công tác tại Bệnh viện Quân y 103 đồng thời M viết Giấy hẹn hoàn trả tiền, nội dung: *“Phí Thị Phương M nhận của ông Phùng T 430 triệu đồng để lo việc cho cháu Hương vào công tác tại Bệnh viện Quân y 103, nay việc không có kết quả M cam kết trả lại số tiền trên cho ông T vào ngày 20/5/2018”*. Do bà T yêu cầu ông T trả lại tiền thì ông T đã tự bỏ ra số tiền 430.000.000 đồng trả cho bà T. Sau nhiều lần yêu cầu trả lại tiền, M đã bỏ trốn nhằm chiếm đoạt của ông T số tiền 430.000.000 đồng.

Tài liệu, vật chứng thu giữ: Ông Phùng T giao nộp Giấy hẹn hoàn trả tiền ghi ngày 20/4/2018 (ký hiệu A8).

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết trên tài liệu thu giữ. Tại bản

kết luận giám định số 3971/C54-P5 ngày 17/8/2018 của Viện Khoa học hình sự - Tổng Cục Cảnh sát kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Phí Thị Phương M trên mẫu cần giám định ký hiệu A8 so với chữ ký, chữ viết của Phí Thị Phương M trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký và viết ra.

Xác minh tại Bệnh viện Quân y 103, xác định: Từ tháng 1/2017 đến nay, Bệnh viện Quân y 103 không tiếp nhận hồ sơ xin việc của Vũ Thị H.

Đối với ông Phùng T sau khi quen biết Phí Thị Phương M và được M giới thiệu có khả năng xin cho chị Vũ Thị H (con gái bà Đồng Thị T) vào làm việc tại Bệnh viện Quân y 103. Ông T tin tưởng đã giới thiệu bà T để nhờ M xin việc cho con bà T. Khi bà T đưa cho ông T số tiền 430.000.000 đồng thì ông T đưa cho M toàn bộ số tiền trên. Xét thấy ông T không hứa hẹn, không biết M có hành vi gian dối nên có nhận tiền của bà T, nhưng ngay sau đó đã chuyển toàn bộ số tiền đó cho M. Khi phát hiện M có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bà T yêu cầu bồi thường thì ông T đã tự bỏ tiền để trả lại cho bà T. Ông T không có hành vi chiếm đoạt nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Đồng Thị T đã được ông Phùng T trả lại toàn bộ số tiền Phí Thị Phương M chiếm đoạt nên bà T không yêu cầu bồi thường gì thêm. Nay ông Phùng T yêu cầu Phí Thị Phương M phải bồi thường số tiền là 430.000.000 đồng.

**5. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Nguyệt T (sinh năm 1967; trú tại huyện Thạch Thất, Hà Nội) số tiền 75.000.000 đồng và ông Bùi Văn H (sinh năm 1963; trú tại huyện Đông Anh, Hà Nội) số tiền 435.000.000 đồng, tổng số tiền là 510.000.000 đồng.**

Khoảng năm 2008, bà Nguyễn Thị Nguyệt T đến quán cà phê của M thì hai người quen nhau. Năm 2015, M nói với bà T là mình có 01 suất biên chế tại Học viện Cảnh sát nhân dân thì bà T nhờ M xin cho con gái nuôi của bà T là chị Nguyễn Thị Thu H (sinh năm 1992; trú tại thôn Sen Trì, xã Bình Yên, huyện Thạch Thất, Hà Nội) đã tốt nghiệp trường Học viện hậu cần. M hứa sẽ xin cho chị H2 vào làm việc tại Học viện Cảnh sát nhân dân với chi phí khoảng 400.000.000 đồng thì bà T đồng ý. Khoảng tháng 1/2016 bà T đến quán Cà phê N đưa cho M 01 bộ hồ sơ xin việc của chị H3. Trong thời gian này, bà T quen biết ông Bùi Văn H (sinh năm 1963; trú tại thôn M Châu, xã Đại Mạch, huyện Đông Anh, Hà Nội). Ông H nói với bà T có con gái là chị Bùi Mộng H (sinh năm 1991) đã tốt nghiệp khoa Dược, trường Đại học Tự nhiên muốn xin vào ngành Công an. Bà T nói lại thông tin trên cho Mai, M hứa sẽ xin cho chị H2 vào biên chế, làm việc tại Viện Khoa học hình sự - Bộ Công

an với chi phí khoảng 400.000.000 đồng. Bà T nói lại thông tin trên với ông H thì ông H đồng ý nhờ M xin việc cho chị H. Theo yêu cầu của Mai, tháng 01/2016 ông H đưa cho bà T 01 bộ hồ sơ xin việc của chị H2 và số tiền 120.000.000 đồng. Ngày 18/02/2016 bà T đưa cho chị H3 số tiền 150.000.000 đồng (gồm 120.000.000 đồng là của ông H và 30.000.000 đồng là của bà T), cùng ngày chị H3 đã chuyển khoản số tiền trên vào tài khoản số 3100205262042 mở tại ngân hàng Agribank mang tên Phí Thị Phương M. Khoảng tháng 3/2016 theo yêu cầu của M, ông H đưa cho bà T số tiền 315.000.000 đồng, ngày 30/3/2016, bà T chuyển khoản số tiền 360.000.000 đồng (gồm 315.000.000 đồng là của ông H và 45.000.000 đồng là của bà T) vào tài khoản số 3100205262042 mở tại ngân hàng Agribank mang tên Phí Thị Phương M. M cam kết đến tháng 6/2016 chị H2 sẽ có quyết định tuyển dụng làm việc tại Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, chị H3 có quyết định tuyển dụng làm việc tại Học viện Cảnh sát nhân dân. Quá hạn cam kết, M không xin được việc cho chị H, chị H3 và không trả lại tiền cho bà T, ông H. Ngày 20/3/2018, ông H, bà T đến gặp M yêu cầu trả lại tiền thì M viết giấy biên nhận nội dung: *“Phí Thị Phương M nhận 315 triệu đồng để xử lý công việc cho ông Bùi Văn H”* rồi đưa giấy biên nhận cho ông H. Ngày 13/6/2018, ông H yêu cầu bà T trả lại tiền thì bà T trả lại ông H số tiền 20.000.000 đồng và bà T viết Giấy nhận nợ nội dung: *“Nguyễn Thị Nguyệt T nhận 315 triệu đồng để xử lý công việc cho ông Bùi Văn H và chuyển toàn bộ số tiền trên cho Phí Thị Phương M để xin việc cho cháu Bùi Mộng H”*. Sau đó M bỏ trốn chiếm đoạt của ông H, bà T tổng số tiền 510.000.000 đồng.

Tài liệu, vật chứng thu giữ: Bà Nguyễn Thị Nguyệt T giao nộp Giấy hẹn trả nợ ghi ngày 20/3/2018 (ký hiệu A1); Giấy nhận tiền ghi ngày 13/6/2018 (ký hiệu A2); 01 giấy nộp tiền ghi ngày 18/02/2016 do Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Từ Liêm phát hành; 01 giấy Ủy nhiệm chi ghi ngày 30/3/2016 do Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Từ Liêm phát hành; Ông Bùi Văn H giao nộp Giấy biên nhận ghi ngày 20/3/2018 (bản pho to).

Sao kê tài khoản số 3100205262042 mở tại ngân hàng Agribank mang tên Phí Thị Phương M, xác định thời gian, số tiền chị Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Nguyệt T chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho M như trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Bắc Từ Liêm đã trưng cầu giám định các tài liệu thu giữ trên. Tại bản kết luận giám định số 8579/KLGD-PC09-Đ4 ngày 30/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Nguyệt T trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Nguyệt T trên các mẫu so



sánh ký hiệu M1, M2 là chữ cùng một người viết và ký ra.

Xác minh tại Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an xác định, năm 2016 Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an không tiếp nhận hồ sơ xin việc của Bùi Mộng H.

Xác minh tại Học viện Cảnh sát nhân dân, xác định: Từ năm 2016 đến nay Học viện Cảnh sát nhân dân không tiếp nhận hồ sơ dự tuyển của chị Nguyễn Thị Thu H.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Bùi Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thị Nguyệt T phải hoàn trả ông H số tiền 415.000.000 đồng; Bà T yêu cầu Phí Thị Phương M phải bồi thường tổng số tiền 510.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bà Nguyễn Thị Nguyệt T khai quá trình nhờ M xin việc cho chị H3 và chị H, bà T đã nhiều lần chuyển khoản và đưa tiền mặt cho M tổng số tiền khoảng 800.000.000 đồng. Những lần đưa tiền mặt hai bên không viết giấy biên nhận, không có người chứng kiến, đến nay M chưa trả tiền cho bà T, bà T yêu cầu M phải bồi thường tổng số tiền 510.000.000 đồng (gồm 95.000.000 đồng của bà T và 415.000.000 đồng của ông H). Tuy nhiên Phí Thị Phương M khai có nhận nhiều khoản tiền của bà T nhờ xin việc cho chị H3 và chị H2 nhưng không nhớ cụ thể nhận bao nhiêu tiền. Sau khi không xin được việc cho chị H3 và chị H2 thì M đã trả lại số tiền bà T nhờ xin việc cho chị H3 và hiện chỉ còn nợ bà T và ông H số tiền 315.000.000 đồng. Những lần trả tiền cho bà T hai bên không viết giấy biên nhận. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa bà T và M để làm rõ số tiền bị can nhận của bà T và số tiền bị can đã trả cho bà T nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai của mình. Căn cứ vào các tài liệu thu thập được có căn cứ xác định M nhận của bà T tổng số tiền là 510.000.000 đồng.

Phí Thị Phương M khai toàn bộ số tiền nhận của các bị hại, M đã chuyển cho một người đàn ông không quen biết, không nhớ đặc điểm cụ thể tại quán Cà phê N để “chạy” cho anh Nguyễn Trường L, anh Lê Tuấn A trúng tuyển Học viện Cảnh sát nhân dân, anh Vàng Văn B vào biên chế Công an tỉnh Lào Cai, chị Vũ Thị H vào làm việc tại Bệnh viện Quân y 103, chị Nguyễn Thị Thu H vào làm việc tại Học viện Cảnh sát nhân dân, chị Bùi Mộng H vào biên chế làm việc tại Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an. M khai không xác định được nhân thân của người đàn ông này, khi đưa tiền M không yêu cầu viết giấy biên nhận, không có người chứng kiến nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xác minh người đã nhận tiền của M.

Tại Cơ quan điều tra, Phí Thị Phương M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của những người bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 431/2022/HSST ngày 29 tháng 9 năm 2022,

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Phí Thị Phương M 16 (*Mười sáu*) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/01/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2022, bị hại là ông Phùng T có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Đồng thời yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét việc bỏ lọt tội phạm đối với Nguyễn Mạnh T là chồng thứ 2 của bị cáo M.

Tại phiên tòa:

Bị cáo M thành khẩn khai nhận tội, bị cáo khẳng định chỉ một mình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không bàn bạc hay trao đổi với ai để cùng thực hiện việc lừa đảo. Tiền chiếm đoạt được bị cáo đưa cho người chạy việc, nhưng không chứng minh được ai là người nhận tiền của bị cáo. Con gái bị cáo đã cho bị cáo 10.000.000đ trả thêm cho ông T.

Ông T không xuất trình thêm chứng cứ nào khác và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Giữ nguyên lời khai như ở cấp sơ thẩm. Ông T khẳng định ông không giao dịch gì với anh T, chỉ sau khi bị cáo M chiếm đoạt tiền và bỏ trốn, ông mới gặp anh T và anh T có ý kiến sẽ cố gắng thu xếp tiền để trả cho ông T. Ông T cũng xác nhận bị cáo tác động con gái bị cáo trả thêm ông T 10.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá nguyên nhân, tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ TNHS, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo, có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Phí Thị Phương M bị xử phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng pháp luật. Về hình phạt áp dụng đối với Mai, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc và quyết định mức án phù hợp.

Đối với đề nghị của ông T với anh Nguyễn Mạnh T, Viện kiểm sát thấy anh T không có vai trò đồng phạm đối với M. Cấp sơ thẩm xét xử đúng người đúng tội, không bỏ lọt tội phạm. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, 356 BLTTHS, đề nghị

HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của bị cáo, luật sư.

[1] Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Kháng cáo của bị hại trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo M thành khẩn nhận tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người làm chứng; các Biên bản, các tang vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Năm 2016 và 2017, M đã đưa ra các thông tin gian dối, tự giới thiệu mình có khả năng xin phúc khảo lại bài thi đại học để trúng tuyển vào trường Học viện Cảnh sát nhân dân, xin tuyển vào ngành công an, quân đội. M nhận của ông Vàng Văn Y số tiền 370.000.000 đồng để xin cho anh Vàng Văn B vào làm việc tại Công an tỉnh Lào Cai; nhận của bà Lê Thị B số tiền 1.980.000.000 đồng để lo phúc khảo lại bài thi cho con trai ông Nguyễn Trường T và bà Lê Thị B là anh Nguyễn Trường L đỗ vào Học viện Cảnh sát nhân dân; nhận của bà Lê Thị Q số tiền 950.000.000 đồng để lo phúc khảo lại bài thi cho con trai bà Q là anh Lê Tuấn A đỗ Học viện Cảnh sát nhân dân; nhận của ông Phùng T số tiền 430.000.000 đồng và hứa hẹn xin cho con gái bà Đồng Thị T là chị Vũ Thị H vào làm việc tại Bệnh viện Quân y 103; nhận của bà Nguyễn Thị Nguyệt T số tiền 75.000.000 đồng và hứa xin cho con gái nuôi của bà T là chị Nguyễn Thị Thu H làm việc tại Học viện Cảnh sát nhân dân; nhận của ông Bùi Văn H số tiền 430.000.000 đồng và hứa xin cho con ông H là chị Bùi Mộng H vào làm việc tại Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an. Quá hạn, M không thực hiện như cam kết nên các bị hại yêu cầu trả lại tiền, thì M đã trả lại bà Q số tiền 150.000.000 đồng, hiện còn chiếm đoạt của bà Q số tiền 800.000.000 đồng; trả lại bà Lê Thị B số tiền 185.000.000 đồng, hiện còn chiếm đoạt của bà B số tiền 1.795.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Phí Thị Phương M đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[2]. Xét kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo chưa khắc phục hết tiền bồi thường, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã

tác động con gái trả thêm cho bị hại 10.000.000đ. Hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng là tương xứng với hành vi của bị cáo.

Về kháng cáo bỏ lọt hành vi phạm tội của anh Nguyễn Mạnh T: Trong vụ án này, anh T không biết, không liên quan gì đến hành vi gian dối, chiếm đoạt tiền và sử dụng tiền chiếm đoạt của người bị hại. Do đó, anh T không có vai trò đồng phạm với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại; nên giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là phù hợp.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Tuy nhiên ông T là người già và tại phiên tòa có đề nghị được miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phùng T; giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 431/2022/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, như sau:

Tuyên bố bị cáo Phí Thị Phương M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Phí Thị Phương M 16 (Mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/01/2022.

**2.** Về án phí: Ông Phùng T không phải chịu án phí phúc thẩm.

**3.** Ghi nhận tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo đã bồi thường thêm cho bị hại là ông Phùng T 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

**4.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**5.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tất Nam**

**Nguyễn Ngọc Hoa**

**Nguyễn Mạnh Tiến**

**Nơi nhận:**

- Vụ 1 TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- Trại tạm giam - CA TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Bị cáo (qua TTG);
- NTGTTK (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Mạnh Tiến**







